

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
LÂM ĐỒNG**

KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM 2026

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

MÔN THI: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

Số báo danh:

Họ, tên thí sinh:

MÃ ĐỀ: 0901

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi phía Bắc là

- A. nguồn khoáng sản phong phú. B. khí hậu có một mùa đông lạnh.
C. có nhiều cao nguyên xen kẽ núi. D. có đất feralit chiếm diện tích lớn.

Câu 2: Sinh vật nước ta đa dạng là kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. Khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.
C. Đất đai đa dạng, con người lai tạo giống mới và thay đổi sự phân bố.
D. Vị trí là nơi gặp gỡ của các luồng di cư; địa hình, khí hậu, đất đai phân hoá.

Câu 3: Nơi có sự bào mòn, rửa trôi đất đai mạnh nhất là

- A. miền núi.
B. đồng bằng.
C. ven biển.
D. ô trũng.

Câu 4: Vùng Đông Nam Bộ có khả năng phát triển mạnh các ngành kinh tế có trình độ khoa học kĩ thuật cao là do

- A. nguồn lao động có trình độ và chuyên môn kỹ thuật chiếm tỉ lệ cao.
B. vị trí địa lí thuận lợi, tiếp giáp với các vùng giàu tiềm năng.
C. tài nguyên thiên nhiên phong phú và có vùng biển giàu tiềm năng.
D. chú trọng đa dạng hoá các sản phẩm công nghiệp ở mỗi địa phương.

Câu 5: Sản phẩm nông nghiệp của nước ta chủ yếu có nguồn gốc

- A. cận nhiệt.
C. nhiệt đới.
- B. hàn đới.
D. ôn đới.

Câu 6: Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu, chủ yếu là do

- A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ và có nguồn lao động dồi dào.
B. bờ biển có nhiều vũng vịnh, thềm lục địa sâu, ít bị bồi lấp.
C. có nhiều vũng vịnh rộng và người dân có nhiều kinh nghiệm.
D. có nền kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu vận tải lớn.

Câu 7: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhiều trung tâm thương mại và siêu thị lớn hình thành.
B. thương mại điện tử phát triển, hệ thống bán lẻ mở rộng.
C. kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.
D. có nhiều thành phần tham gia, hàng hoá rất phong phú.

Câu 8: Các bể trầm tích nào sau đây có trữ lượng dầu, khí lớn nhất nước ta?

- A. Thổ Chu và Mã Lai.
B. Cừ Long và Sông Hồng.
C. Cừ Long và Nam Côn Sơn.
D. Hoàng Sa và Trường Sa.

Câu 9: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng của nước ta

(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	1943	2010	2021	2024
Tổng diện tích rừng	14,3	13,4	14,7	14,9
- Diện tích rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,1	10,1
- Diện tích rừng trồng	0,0	3,1	4,6	4,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, 2024, Nxb Thống kê)

- A. Tỷ trọng diện tích rừng trồng giai đoạn 1943 – 2024 tăng.
- B. Tổng diện tích rừng tăng liên tục qua các năm.
- C. Diện tích rừng trồng tăng chậm hơn tổng diện tích rừng.
- D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh qua các năm.

Câu 10: Giải pháp chủ yếu để ngành chăn nuôi ở vùng Bắc Trung Bộ phát triển bền vững là

- A. hoàn thiện công nghiệp chế biến, đa dạng hóa thị trường, bảo vệ các tài nguyên.
- B. chăn nuôi tập trung, lai tạo giống mới, liên kết sản xuất - tiêu thụ với vùng khác.
- C. mở rộng diện tích đồng cỏ tự nhiên, tăng cường hợp tác quốc tế trong chăn nuôi.
- D. thay đổi tập quán, chăn nuôi theo hướng hàng hóa, quan tâm vấn đề môi trường.

Câu 11: Nguồn lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Quy mô lớn và đang tăng.
- B. Quy mô nhỏ và đang giảm.
- C. Quy mô lớn và đang giảm.
- D. Quy mô nhỏ và đang tăng.

Câu 12: Năm 2024 dân số Việt Nam đứng thứ ba Đông Nam Á, sau các quốc gia nào sau đây?

- A. In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin.
- B. In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.
- C. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

Câu 13: Biểu hiện nào sau đây cho thấy thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.
- B. Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.
- C. nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
- D. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

Câu 14: Mô hình nuôi thủy sản thâm canh ở Đồng bằng sông Cửu Long mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Bảo vệ thủy sản tự nhiên, tăng diện tích.
- B. Mở rộng diện tích, thuận lợi cơ giới hoá.
- C. Giảm thiểu rủi ro dịch bệnh và thiên tai.
- D. Nâng cao năng suất, gia tăng sản lượng.

Câu 15: Cực Bắc của nước ta nằm ở tỉnh

- A. Sơn La.
- B. Lạng Sơn.
- C. Khánh Hòa.
- D. Tuyên Quang.

Câu 16: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có tính chất nhiệt đới tăng dần so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu do tác động của

- A. vĩ độ địa lý, hướng của các dãy núi, gió mùa Đông Bắc giảm sút.
- B. vị trí gần xích đạo, Tín phong bán cầu Bắc ưu thế, núi thấp hơn.
- C. gió Tây hoạt động mạnh, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới tồn tại lâu.
- D. gió hướng đông bắc tăng cường, độ cao của địa hình, vị trí địa lý.

Câu 17: Mạng lưới sông ngòi nước ta có thể mạnh để phát triển

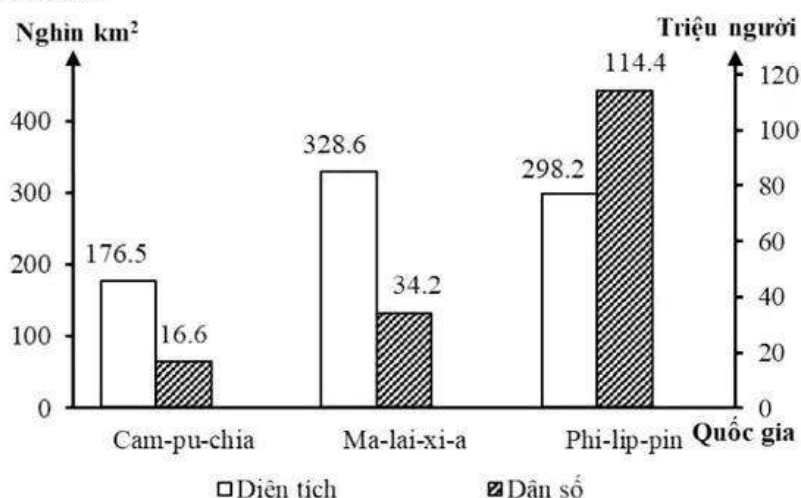
- A. nhiệt điện.
- B. điện gió.
- C. điện hạt nhân.
- D. thủy điện.

Câu 18: Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất tới việc thi công và hoạt động của các tuyến đường bộ ở nước ta?

- A. Thị trường.
- B. Địa hình.
- C. Dân cư.
- D. Khí hậu.

PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho biểu đồ sau:



Diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2024

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024 và ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025)

- Cam-pu-chia có diện tích, số dân và mật độ dân số thấp nhất.
- Ma-lai-xi-a có diện tích và số dân lớn nhất.
- Cam-pu-chia có mật độ dân số thấp hơn Phi-lip-pin và cao hơn Ma-lai-xi-a.
- Phi-lip-pin có mật độ dân số cao nhất.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có số dân đông, nguồn lao động dồi dào. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm khoảng 50% tổng số dân của vùng, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất cả nước, chiếm 39,0% tổng lao động của vùng năm 2024.

- Đồng bằng sông Hồng có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao nhất cả nước.
- Vấn đề xã hội đang được quan tâm hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay là sức ép của dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội, môi trường.
- Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước hiện nay.
- Do dân số đông, mật độ dân số cao nên Đồng bằng sông Hồng là vùng tập trung nhiều trung tâm công nghiệp nhất cả nước.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Gió mùa Đông Bắc là loại gió có nguồn gốc từ vùng áp cao Xi-bia (Siberia) di chuyển chủ yếu theo hướng Đông Bắc vào nước ta, hoạt động từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc. Nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm và có mưa phùn.

- Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam, gió mùa Đông Bắc càng biến tính, ít lạnh hơn.
- Gió mùa Đông Bắc là một trong những nguyên nhân làm cho mùa khô ở miền Bắc không sâu sắc như ở miền Nam.
- Nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh, khô là do khối khí này di chuyển qua biển và thổi vào nước ta.
- Thời gian hoạt động của gió mùa Đông Bắc ở nước ta từ tháng 5 đến tháng 10.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Nông nghiệp nước ta đang phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; hướng tới nông nghiệp thông minh; nông nghiệp bền vững, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, dựa trên việc tăng cường áp dụng khoa học – công nghệ và thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp vào các hoạt động nông nghiệp.

- Việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- b) Việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp đã tạo ra nhiều cơ hội cho nông nghiệp nước ta trong thời kì hội nhập.
- c) Việc sản xuất tập trung thành nông trường góp phần tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.
- d) Cơ cấu sản xuất nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng hiện đại.

PHẦN III: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng các tháng trong năm tại trạm quan trắc Lai Châu, năm 2024

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Giờ nắng	144,8	230,6	177,3	259,6	150,7	64,4	135,9	115,6	154,4	182,5	184,4	115,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số giờ nắng trung bình của các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Lai Châu là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Sản lượng than sạch và khí tự nhiên của nước ta năm 2020 và 2024

Năm	2020	2024
Than sạch (nghìn tấn)	44 598,4	45 315,0
Khí tự nhiên (triệu m ³)	9 160,0	6 350,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2025, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2024 so với năm 2020 (năm 2020 = 100%) của sản lượng than sạch cao hơn của sản lượng khí tự nhiên bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Một tàu cá nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của nước ta và cách đường cơ sở 152 hải lí. Cho biết tàu cá đó cách đường biên giới quốc gia trên biển bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

Câu 4: Cho bảng số liệu sau.

Sản lượng hải sản khai thác và nuôi trồng ở Nam Trung Bộ năm 2015 và 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2024
Khai thác	921,7	1 249,3
Nuôi trồng	117,4	165,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, 2025, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng thủy sản của vùng Nam Trung Bộ năm 2024 so với năm 2015 tăng gấp bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2024, dân số thành thị của nước ta là 39 triệu người và dân số nông thôn là 62,3 triệu người. Cho biết tỉ lệ dân thành thị của nước ta năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 6: Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta là 6 447 397,4 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ du lịch là 762 893,3 tỷ đồng. Hãy cho biết doanh thu từ dịch vụ du lịch chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta năm 2024 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- Hết -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LÂM ĐỒNG NĂM 2026

(Hướng dẫn chấm có 01 trang)

MÔN THI: ĐỊA LÍ

Ngày thi..../5/2026

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ CHÍNH THỨC**

PHẦN I: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,5 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18 (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu hỏi	0901	0902	0903	0904
1	A	C	C	D
2	D	B	C	B
3	A	A	A	A
4	A	D	D	A
5	C	A	B	A
6	B	C	C	C
7	C	C	C	A
8	C	B	A	C
9	A	B	D	C
10	D	B	D	D
11	A	C	D	C
12	A	D	A	D
13	C	D	D	C
14	D	A	A	B
15	D	D	D	A
16	A	C	C	A
17	D	A	A	D
18	B	D	A	D

PHẦN II: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,0 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm

Câu hỏi	0901	0902	0903	0904
1	ĐSSĐ	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐSĐS
2	SĐĐS	ĐSSĐ	ĐSĐS	ĐĐSS
3	ĐĐSS	SSĐĐ	ĐSĐS	SĐĐS
4	ĐĐSĐ	SĐĐS	ĐSĐS	SĐĐĐ

PHẦN III: Trắc nghiệm trả lời ngắn (1,5 điểm): Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm

Câu	0901	0902	0903	0904
1	160	38,5	38,5	1,36
2	32,3	32,3	32,3	11,8
3	259	160	11,8	32,3
4	1,36	1,36	259	259
5	38,5	11,8	1,36	160
6	11,8	259	160	38,5

-----Hết-----